**PHỤ LỤC III**

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

**6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG**

**ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Kèm theo Thông báo số 478/ TB-T32-SĐH ngày 25 tháng 3 năm 2020*

*của Giám đốc Học viện Cảnh sát nhân dân)*

**Tiếng Anh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ (CEFR)** | IELTS | TOEFL | TOEIC | Cambridge Exam | BEC | BULATS | Khung Châu Âu |
| **3/6 (Khung VN)** | 4.5 | 450 PBT 133 CBT 45 iBT | 450 | Preliminary PET | Business Preliminary | 40 | B1 |

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

**PHỤ LỤC II**

**BẢNG DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN**

**VỚI CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ**

*(Kèm theo Thông báo số 478/ TB-T32-SĐH ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Giám đốc Học viện CSND)*

| **TT** | **Chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ** | **Ngành tốt nghiệp đại học** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngành đúng/ phù hợp** | | **Ngành gần** | |
| **Tên ngành** | **Học phần bổ sung**  **trình độ đại học** | **Tên ngành** | **Học phần bổ sung**  **trình độ đại học**  **(học từ 6 đến 9 TC)** |
| **1** | Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm  Mã số: 8380105 | - Luật (do Học viện ANND, Học viện CSND, Đại học ANND, Đại học CSND đào tạo).  - Luật Hiến pháp và Luật Hành chính;  - Luật hình sự và tố tụng hình sự;  - Luật dân sự và tố tụng dân sự;  - Luật kinh tế;  - Luật quốc tế. | Không phải học bổ sung kiến thức.  - Luật hình sự (3 TC);  - Luật tố tụng hình sự (3 TC);  - Tội phạm học  (2 TC). | - TSAN;  - Trinh sát Cảnh sát;  - Điều tra hình sự;  - Kỹ thuật hình sự;  - Quản lý Nhà nước về An ninh, trật tự;  - Quản lý trật tự an toàn giao thông;  - Thi hành án hình sự và HTTP;  - Tham mưu, chỉ huy CAND;  - PCCC và cứu nạn cứu hộ;  - Hậu cần CAND;  - TBAN. | - Luật hình sự (3 TC)  - Luật tố tụng hình sự (3 TC)  - Tội phạm học (2 TC) |
| **2** | Quản lý Nhà nước về An ninh trật tự  Mã số: 8860109 | - Quản lý Nhà nước về An ninh trật tự;  - TSAN;  - Trinh sát Cảnh sát;  - Điều tra hình sự;  - Kỹ thuật hình sự;  - Quản lý trật tự ATGT;  - Thi hành án hình sự và HTTP;  - Tham mưu, chỉ huy CAND.  - Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;  - Hậu cần CAND;  - TBAN | Không phải học bổ sung kiến thức.  - Những vấn đề cơ bản về bảo vệ ANQG và bảo đảm TTATXH (3 TC);  - Quản lý hành chính Nhà nước và QLHC về ANTT (3TC);  - Phòng ngừa tội phạm và công tác NVCB của lực lượng CSQLHC về TTXH (3TC). | - Chỉ huy tham mưu Lục quân;  - Chỉ huy tham mưu Hải quân;  - Chỉ huy tham mưu Không quân;  - Chỉ huy tham mưu Phòng không;  - Chỉ huy tham mưu Pháo binh;  - Chỉ huy tham mưu Tăng - thiết giáp;  - Chỉ huy tham mưu Đặc công;  - Biên phòng;  - TBQS;  - Hậu cần quân sự;  - Chỉ huy tham mưu thông tin;  - Quân sự cơ sở;  - Chỉ huy, quản lý kỹ thuật;  - Chỉ huy kỹ thuật Phòng không;  - Chỉ huy kỹ thuật Tăng - thiết giáp;  - Chỉ huy kỹ thuật Công binh;  - Chỉ huy kỹ thuật Hoá học;  - TSKT;  - Chỉ huy kỹ thuật Hải quân;  - Chỉ huy KTTCĐT. | - Những vấn đề cơ bản về bảo vệ ANQG và bảo đảm TTATXH (3 TC)  - Quản lý hành chính Nhà nước và QLHC về ANTT (3TC)  - Phòng ngừa tội phạm và công tác NVCB của lực lượng CSQLHC về TTXH (3TC) |
| **3** | Trinh sát Cảnh sát  Mã số: 8860102 | - Trinh sát Cảnh sát;  - Quản lý Nhà nước về An ninh, trật tự;  - TSAN;  - Điều tra hình sự;  - Kỹ thuật hình sự;  - Quản lý trật tự an toàn giao thông;  - Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp;  - Tham mưu, chỉ huy CAND.  - Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;  - Hậu cần CAND;  - TBAN. | Không phải học bổ sung kiến thức.  - Lý luận chung về hoạt động NVTS (4TC);  - Phương pháp, chiến thuật trinh sát, kỹ thuật nghiệp vụ trinh sát của lực lượng CSND (4 TC). | - Chỉ huy tham mưu Lục quân;  - Chỉ huy tham mưu Hải quân;  - Chỉ huy tham mưu Không quân;  - Chỉ huy tham mưu Phòng không;  - Chỉ huy tham mưu Pháo binh;  - Chỉ huy tham mưu Tăng - thiết giáp;  - Chỉ huy tham mưu Đặc công;  - Biên phòng;  - TBQS;  - Hậu cần quân sự;  - Chỉ huy tham mưu thông tin;  - Quân sự cơ sở;  - Chỉ huy, quản lý kỹ thuật;  - Chỉ huy kỹ thuật Phòng không;  - Chỉ huy kỹ thuật Tăng - thiết giáp;  - Chỉ huy kỹ thuật Công binh;  - Chỉ huy kỹ thuật Hoá học;  - TSKT;  - Chỉ huy kỹ thuật Hải quân;  - Chỉ huy KTTCĐT; | - Lý luận chung về hoạt động NVTS (4TC);  - Phương pháp, chiến thuật trinh sát, kỹ thuật nghiệp vụ trinh sát của lực lượng CSND (4 TC). |

**\*** Đối với những ngành tốt nghiệp đại học không có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam cấp III thì so sánh chương trình đào tạo của ngành tốt nghiệp đại học với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi. Nếu chương trình đào tạo của 2 ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi trình độ thạc sĩ; nếu chương trình đào tạo của 2 ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi trình độ thạc sĩ.